

SINH THÁI NHÂN VĂN VÀ NHIỆM VỤ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỐNG CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HIỆN NAY

Phạm Văn Boong

Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM

boongpv@huflit.edu.vn

TÓM TẮT— Sinh thái nhân văn đã hình thành và phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người và xã hội. Hiện nay phát triển bền vững với các mục tiêu: phát triển kinh tế, công bằng xã hội và môi trường trong sạch đã trở thành cấp bách của thời đại. Trong giới hạn của bài viết, chúng tôi trình bày sinh thái nhân văn từ góc độ triết học để tìm hiểu về nguồn gốc ra đời, nội dung cơ bản của sinh thái nhân văn. Trên cơ sở đó đề xuất một số nhiệm vụ góp phần nâng cao năng lực nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người và xã hội.

Từ khóa—Sinh thái nhân văn, nhận thức hệ thống, hệ sinh thái, sinh thái tự nhiên, sinh thái xã hội.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh thái nhân văn là khoa học nghiên cứu quan hệ giữa con người với môi trường thiên nhiên ở mức độ hệ thống, bao gồm hệ xã hội và cả hệ tự nhiên (hệ sinh thái) trong phạm vi toàn cầu, các khu vực, quốc gia và các tổ chức sản xuất ở quy mô lớn nhỏ khác nhau. Mục đích của sinh thái nhân văn là nghiên cứu các yếu tố xã hội và tự nhiên hợp thành và sự tương tác giữa các yếu tố, trên cơ sở đó tìm ra các giải pháp tác động thích hợp để nâng cao chất lượng hoạt động thực tiễn của con người và xã hội hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của hệ thống.

Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước vẫn kiên định đường lối và chính sách phát triển kinh tế đi đôi với nhiệm vụ bảo vệ môi trường sống. Song do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên mục tiêu và nhiệm vụ bảo vệ môi trường những năm qua phát triển chưa tương xứng với mục tiêu phát triển kinh tế. Tình trạng suy thoái môi trường cục bộ vẫn còn diễn ra ở nhiều địa phương. Tình trạng biến đổi thời tiết khí hậu, dịch Covid-19 đang tác động lớn đến môi trường sống của con người và xã hội. Nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển khoa học sinh thái nhân văn để góp phần nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn bảo vệ môi trường sống ở Việt Nam hiện nay đã trở thành cấp bách.

II. SƠ LƯỢC VỀ SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN SINH THÁI NHÂN VĂN

Sinh thái nhân văn (Human Ecology) ra đời từ đầu thế kỷ XX từ những công trình nghiên cứu của các nhà xã hội học thuộc Trường Đại học Tổng hợp Chicago (Hoa Kỳ) với các công trình của Robert và Ernest W. Burgess năm 1921 (Park và Burgess, 1921). Tại Việt Nam, GS. Lê Trọng Cúc và một số nhà khoa học đầu ngành đã sớm tiếp thu và đưa vào nghiên cứu giảng dạy ở các trường đại học từ thập niên 80 của thế kỷ XX. Được sự hỗ trợ của một số tổ chức và các nhà khoa học nước ngoài, các nhà khoa học Việt Nam đã thực hiện chương trình cấp Nhà nước 5202 “Nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường” từ năm 1981 đến 1990. Tiếp theo là: “Kế hoạch quốc gia về môi trường và phát triển lâu bền 1991-2000”. Tại hội nghị Rio de Janeiro (ngày 11 tháng 06 năm 1992), Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam Nguyễn Khánh đã khẳng định: Chính phủ Việt Nam nhận rõ trách nhiệm của mình trước nhân dân, sẽ phải làm nhiều việc cho sự phát triển lâu bền của đất nước. Chúng tôi cũng nhận thức được sự cần thiết phải có những nỗ lực với quy mô toàn cầu để đi đến sự hiểu biết nhau hơn và đi đến những hành động thiết thực, hợp lý, có hiệu quả.

Đến nay sinh thái nhân văn đã tồn tại trên thế giới hơn trăm năm và ở Việt Nam gần nửa thế kỷ. Song nhận thức về sinh thái nhân văn còn có nhiều quan điểm khác nhau với các cách hiểu sau:

Một là, “Human Ecology” sinh thái nhân văn đại diện là GS. Lê Trọng Cúc.

Hai là, Sinh thái người (Hens, 1996; Rambo, 1983).

Ba là, Sinh thái nhân văn học, đại diện là các chuyên gia hậu duệ của GS. Lê Trọng Cúc vì sinh thái nhân văn vừa là một khoa học vừa là một tiếp cận hệ thống liên ngành. Chúng tôi cũng đồng ý với quan điểm thứ ba và xin nói thêm, môn Sinh thái nhân văn học có đối tượng nghiên cứu gần gũi với môn triết học và nó liên quan tới tất cả các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Do đó, nội dung và đối tượng nghiên cứu của nó có thể cô đọng trong khái niệm “hệ sinh thái học người và sinh thái xã hội” hay nói cách khác bản chất của khái niệm là mối quan hệ tự nhiên - con người và xã hội. Do đó, sự ra đời của sinh thái nhân văn gắn liền với sự phát triển của các ngành khoa học, triết học và hoạt động thực tiễn của con người và xã hội. Ngay từ thời cổ đại, qua chiêm nghiệm của triết học phương Đông và phương Tây cũng như một số quan điểm của các tôn giáo đã phỏng đoán được tính thống nhất của thế giới tự nhiên - con người và xã hội. Đến thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX trên cơ sở tổng kết các thành tựu khoa học và triết học trong lịch sử, nhà triết học vĩ đại tiêu biểu cho triết học cổ điển Đức - Ph.

Hêghen (F. Hegel, 1770-1831) đã xây dựng thành công phép biện chứng, tất nhiên là phép biện chứng duy tâm. Dựa trên 4 luận điểm nền tảng:

Một là, thừa nhận tồn tại ý niệm tuyệt đối là nền tảng của hiện thực.

Hai là, thừa nhận sự phát triển của ý niệm tuyệt đối.

Ba là, thừa nhận ý thức của con người là sản phẩm của lịch sử.

Bốn là, triết học là học thuyết về ý niệm tuyệt đối. Triết học là hình thức thể hiện cao nhất, trọn vẹn và đầy đủ nhất ý niệm tuyệt đối.

Như vậy, mặc dù phép biện chứng của Hêghen còn hạn chế bởi tính chất duy tâm, thừa nhận sự khởi đầu của thế giới là “ý niệm tuyệt đối”. Song ông là người đầu tiên đã xây dựng thành công phép biện chứng trong lịch sử triết học của nhân loại, qua nội dung phép biện chứng của ông đã cho chúng ta thấy các sự vật hiện tượng trong thế giới: vật chất, ý thức, thế giới tự nhiên, con người và xã hội tồn tại trong mối quan hệ tác động biến đổi phát triển không ngừng. Chính C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin “đều coi phép biện chứng của Hêghen là học thuyết toàn diện nhất, phong phú nhất, sâu sắc nhất về sự phát triển” [1].

Trên cơ sở tổng kết các thành tựu khoa học và thực tiễn xã hội, kế thừa một cách có phê phán học thuyết phát triển - phép biện chứng duy tâm của Hêghen, C. Mác và Ph. Ăngghen đã thực hiện cuộc cách mạng để xây dựng thành công phép biện chứng duy vật. Phép biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác đã trở thành đỉnh cao của tư duy lý luận của nhân loại, là lý luận khoa học để nhận thức hoạt động thực tiễn cải tạo thế giới của con người và xã hội, đồng thời cũng là cội nguồn lý luận cho sự ra đời và phát triển của sinh thái nhân văn hiện nay. Năm 1844, trong tác phẩm Bản thảo kinh tế triết học, C. Mác viết: Giới “tự nhiên là thân thể vô cơ của con người” [2/ tr. 135]. Và “con người sống bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là thân thể của con người, thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ là giới tự nhiên gắn liền với bản thân giới tự nhiên, vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên” [2/ tr. 135]. Như vậy, cách mà con người quan hệ với tự nhiên thì hoàn toàn khác với cách mà con vật quan hệ với tự nhiên. Con vật tác động quan hệ với tự nhiên dựa trên bản năng sinh tồn của nó, tức là thụ động, vô thức, còn con người quan hệ với tự nhiên một cách có ý thức và do vậy có sự lựa chọn. Do đó, quan hệ giữa con người với tự nhiên thường hướng đến sự hài hòa, vì quan hệ giữa con người với tự nhiên cũng có nghĩa là con người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên” [2/ tr. 135]. Trên cơ sở đó, C. Mác đã phân tích và chỉ rõ cội nguồn tha hóa lao động của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa vì không có tư liệu sản xuất: “Khi tước của con người đối tượng sản xuất của con người, lao động bị tha hóa cũng tước của con người đời sống tinh thần có tính loài của con người, tính đối tượng có tính loài thực sự của con người, và biến cái thế hơn của con người so với con vật thành cái thế kém ở chỗ con người bị tước mất thân thể vô cơ của mình, tức là giới tự nhiên” [3]. Trong thư gửi Ph. Ăngghen ngày 25-03-1868, khi nói đến hoạt động canh tác thiếu ý thức về bảo vệ đất đai, C. Mác viết: Nếu được tiến hành một cách tự phát mà không được hướng dẫn có ý thức thì sẽ để lại sau nó những hoang mạc. Khi phân tích nền sản xuất xã hội, đặc biệt là phương thức sản xuất Tư bản chủ nghĩa, Ph. Ăngghen đã viết: “Tất cả các phương thức sản xuất đã có từ trước tới nay chỉ nhằm đạt được những hiệu quả có ích gần nhất và trực tiếp nhất của lao động. Còn đối với những hậu quả xã hội, sau này mới xuất hiện và chỉ có tác dụng khi nó tái diễn lại nhiều lần và tích tụ thêm lên mãi, thì người ta hoàn toàn không chú ý đến” [4]. Khi nói về chủ nghĩa Mác, phó giáo sư triết học người Pháp Đanien Benxaidơ đã viết: “Gắn chặt vào hiện tại của nó, tư duy của Mác vượt và tràn qua hiện tại này để hướng về quá khứ và tiến tới tương lai” [5]. Cùng với sự phát triển của triết học, các ngành khoa học tự nhiên và xã hội tiếp tục phát triển mạnh mẽ, lĩnh vực nghiên cứu về sinh thái, hệ sinh thái và sinh thái nhân văn đã đạt được những kết quả to lớn. Khái niệm sinh thái học xuất phát từ tiếng Hy Lạp “Oikoslogos” là học thuyết nói về nơi ở, chỗ ở, nơi cư trú được khẳng định trong khoa học như là tên gọi của một trong những bộ phận sinh học. Thuật ngữ này được nhà sinh thái học người Đức E. Hêcken lần đầu tiên đưa vào bài giảng khoa học của mình năm 1866. Theo định nghĩa của E. Hêcken, sinh thái học đó là khoa học về môi trường tồn tại của các cơ thể sống. Sinh thái học nghiên cứu những mối quan hệ chung của động vật với cả môi trường vô cơ và hữu cơ của chúng. Sự “hợp tác”, sự “tương hỗ lẫn nhau” và cả những quan hệ thù địch giữa những động vật đó với những động vật và thực vật khác mà chúng trực tiếp hay gián tiếp quan hệ. Hay nói gọn lại đó là tất cả các mối quan hệ phức tạp, rắc rối mà như S. Đacuyn đã biểu thị trong cái gọi là cuộc đấu tranh sinh tồn [6/ tr. 15]. Ngày nay ý nghĩa của nó đã vượt ra ngoài phạm vi ngành sinh học, trở thành: “Sinh thái học đó là khoa học nghiên cứu mối quan hệ qua lại giữa xã hội loài người và sinh quyển” [6/ tr. 19]. Định nghĩa này mang tính khái quát cao đồng thời nó hoàn toàn phù hợp với quan điểm sinh thái học hiện đại đã tiến từ việc nghiên cứu mối quan hệ “cơ thể - môi trường” sang nghiên cứu mối quan hệ “con người - tự nhiên, xã hội - sinh quyển”. Chính vì vậy, sinh thái học đã mở rộng lĩnh vực nghiên cứu ra ngoài phạm vi môn sinh vật học để tiếp cận những vấn đề của triết học. Từ đó, sinh thái học đã phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, một số lĩnh vực nghiên cứu và các khái niệm ra đời như: sinh thái học - xã hội, sinh thái người, ý thức sinh thái, hệ sinh thái, sinh thái nhân văn học...

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA SINH THÁI NHÂN VĂN HỌC HIỆN NAY

Sinh thái nhân văn là khoa học nghiên cứu quan hệ giữa con người với môi trường thiên nhiên ở mức độ hệ thống, bao gồm hệ xã hội và hệ tự nhiên (hệ sinh thái). Sinh thái nhân văn là sự mở rộng và hội tụ của nhiều ngành khoa học khác nhau. Sự hội tụ thể hiện ở việc nghiên cứu các yếu tố và mối liên hệ các yếu tố trong các hệ thống thành phần của hệ thống tự nhiên và xã hội. Trên cơ sở đó tìm hiểu hệ thống “con người - tự nhiên - xã hội - sinh quyển”. Tìm ra các giải pháp để có thể đương đầu với các vấn đề biến đổi ngày càng gia tăng của hệ thống tự nhiên, con người và xã hội hiện nay. Tiếp cận từ hệ sinh thái là tiếp cận bản chất của sinh thái nhân văn.

Khái niệm hệ sinh thái: Theo EP. Odum thuật ngữ hệ sinh thái lần đầu tiên do nhà sinh thái học người Anh A. Tanslev đề xuất năm 1935. Tuy nhiên, nội dung của khái niệm này đã được một số nhà khoa học Mỹ, châu Âu và Nga nêu trong một số tài liệu sinh học cuối thế kỷ XIX. Ngày nay, nội dung của khái niệm đó không ngừng được bổ sung và phát triển. Nội dung của khái niệm này tương đối rộng. Ý nghĩa chủ yếu của nó đối với lý luận sinh thái học là khẳng định quan hệ tương hỗ, quan hệ phụ thuộc qua lại, quan hệ tương tác hay nói cách khác là tổ hợp các yếu tố theo chức năng thống nhất. Do đó, các phần theo nghĩa phẫu thuật là không thể tách rời khỏi sự toàn vẹn và hệ sinh thái được coi là mức độ tổ chức thích hợp nhất để áp dụng các phương pháp phân tích hệ thống sinh học [7].

Qua định nghĩa trên đã cho chúng ta thấy rõ đặc trưng của mối liên hệ tác động lẫn nhau giữa các yếu tố trong hệ sinh thái. Song chưa thể hiện được thuộc tính tự điều chỉnh và tự cân bằng của các yếu tố trong hệ sinh thái, do đó cần phải bổ sung thêm bằng định nghĩa thứ hai: Theo Weiner, đó là quan hệ năng động giữa điều kiện cư trú (sinh không) và cộng đồng (sinh vật) cần thoả mãn các nhu cầu (sinh quần ở trạng thái cân bằng). Chính sự bổ sung lẫn nhau giữa hai định nghĩa trên đã làm nổi bật hai thuộc tính cơ bản của hệ sinh thái là: trao đổi vật chất, thông tin, năng lượng đồng thời tự điều chỉnh cân bằng động.

Các hệ sinh thái không chỉ khác nhau về qui mô, tính chất mà nó còn đan xen lẫn nhau, lồng vào nhau. Trừ hệ sinh thái khép kín - vũ trụ, còn tất cả các hệ sinh thái mở đều có quá trình nhận vật chất, năng lượng, thông tin thông qua quá trình trao đổi chất, tự điều chỉnh và tạo trạng thái cân bằng thông qua dây chuyền dẫn thức ăn, quá trình di truyền biến dị, quá trình thích nghi, cạnh tranh sinh tồn, quá trình sinh, lão, bệnh, tử, ... đó là qui luật vận động của tự nhiên và sinh vật.

Chính quá trình trao đổi chất và sự liên hệ tác động lẫn nhau, quá trình tự điều chỉnh và cân bằng động của hệ sinh thái là quy luật vĩ đại của quá trình tiến hoá của sinh quyển, làm cho hệ sinh thái phát triển từ thấp tới cao. Sự xuất hiện con người và xã hội loài người cũng là kết quả tiến hoá hợp qui luật của tự nhiên. Từ khi có con người, các yếu tố của hệ sinh thái gồm có: sinh vật sản xuất (tự dưỡng), sinh vật tiêu thụ (dị dưỡng), sinh vật hoại sinh (phân huỷ), con người và xã hội, các chất vô cơ và hữu cơ cần thiết cho sự sống.

Sự xuất hiện con người và xã hội loài người đã làm cho hệ sinh thái biến đổi về chất, bởi lẽ con người không chỉ là động vật cấp cao mà còn là động vật biết sử dụng công cụ lao động để sản xuất ra của cải vật chất. Nhờ lao động sản xuất mà con người trở thành động vật có ý thức, hay nói cách khác con người ít nhiều có tính “nhân chủng tự tôn”. Con người không chỉ biết tận dụng những cái tự nhiên mang lại cho mình, mà còn hoạt động thực tiễn biến đổi tự nhiên, tạo ra của cải vật chất để thoả mãn nhu cầu của mình. Bằng hoạt động thực tiễn con người đã làm cho hệ sinh thái tự nhiên ở mức bao quát nhất là sinh quyển đã chuyển hoá thành trí tuệ quyển (Noosphaera).

Như vậy, hệ sinh thái không chỉ chịu sự tác động của các yếu tố tự nhiên, sinh học mà còn chịu sự tác động bởi hoạt động có ý thức của con người. Con người bước vào vũ đài của sự sống đúng vào lúc sinh quyển đã có những thuộc tính của một hệ thống tổng hợp sinh học ở mức cao nhất, có khả năng đạt năng suất sinh học lớn nhất và độ phát triển ổn định tối đa. Mối quan hệ giữa tự nhiên với con người và xã hội là thực chất của hệ sinh thái xã hội. Mối quan hệ đó thể hiện sự tác động lẫn nhau thông qua hoạt động thực tiễn của con người và trình độ kỹ thuật, công nghệ của mỗi thời đại. Sự thống nhất giữa tự nhiên và xã hội thể hiện ngay trong sự thống nhất bản tính tự nhiên và xã hội của con người. C. Mác đã khẳng định: “con người ta do bản tính, nếu không phải là một động vật chính trị như Aristot nói thì dẫu sao cũng là một động vật xã hội” [8].

Con người tuy chỉ chiếm 0,01% toàn bộ sinh khối của trái đất (82% - cây xanh, 13% - vi khuẩn, và 5% là sinh vật khác) tuy nhiên sự tác động theo hướng có hại cho hệ sinh thái bởi các hoạt động trực tiếp và gián tiếp là vô cùng lớn. Từ buổi bình minh của văn minh loài người đến nay, các hoạt động của chúng ta đã làm mất đi 83% số lượng động vật hoang dã và 50% diện tích cây xanh (Carrington, 2020). Cuối thế kỷ XIX trong tác phẩm biện chứng của tự nhiên, Ph. Ăngghen đã cảnh báo: “Chúng ta hoàn toàn không thể thống trị được thế giới tự nhiên như kẻ xâm lược thống trị một dân tộc khác, mà trái lại bản thân chúng ta với cả xương thịt, máu mủ và đầu óc, chúng ta là thuộc về giới tự nhiên, và tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên biểu hiện ở chỗ là chúng ta có ưu thế hơn tất cả các sinh vật khác, nghĩa là chúng ta nhận thức được quy luật của giới tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác [9]. Như chúng ta đã biết con người tồn tại trước hết phải tuân theo quy luật sinh học “Sinh - lão - bệnh - tử”. Và con người sống cần phải có lương thực, thực phẩm để ăn, nước sạch

để uống, không khí trong lành để thở. Như vậy, chúng ta sẽ thấy được tác hại của suy giảm đa dạng sinh học và diện tích rừng, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm nguồn nước, không khí và biến đổi khí hậu... tất cả đã tác động đến đời sống của con người và xã hội!

Sinh thái nhân văn - được tiếp cận hệ thống là một tổ chức có nhiều bộ phận liên hệ với nhau trong không gian và thời gian, chúng cùng hoạt động theo những cách thức nhất định để cho ra những kết quả nhất định. Mỗi hệ thống được tạo thành không phải do sự lựa chọn ngẫu nhiên các thành phần, mà được hợp nhất theo chức năng và có "bản chất tương thích" một cách chắc chắn mới đảm bảo cho hệ, nếu hệ này muốn hoạt động một cách có hiệu quả và bền bỉ theo thời gian [10]. Nếu xét theo cấu trúc chức năng mới hiện nay, theo J. Alexander: "Xã hội được coi là một hệ thống mà các tiểu hệ thống thuộc hệ thống mẹ bị chi phối lẫn nhau bởi các quan hệ chức năng. Hệ thống được sắp xếp theo một tôn ti trật tự cao thấp khác nhau về mặt quyền lực. Các tiểu hệ thống có vị trí cao trong tháp quyền lực của hệ thống sẽ chi phối các tiểu hệ thống thấp hơn, các tiểu hệ thống thấp phải có trách nhiệm cung cấp năng lượng để nuôi dưỡng các hệ thống cao hơn. Đó chính là các mối quan hệ về mặt chức năng [11].

Ý thức và tư duy của con người biến đổi cùng với sự biến đổi của sản xuất xã hội. Nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI với quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) đang hứa hẹn với nhiều triển vọng với sự phát triển của kinh tế, khoa học công nghệ cao. Đời sống vật chất và tinh thần của con người và xã hội ngày càng được nâng cao. Đó là mảng sáng của bức tranh, song mảng tối vẫn tồn tại: Sự biến đổi thời tiết khí hậu, nước biển dâng, chạy đua vũ trang và phân hóa giàu nghèo, nguy cơ của cuộc chiến tranh hủy diệt, dịch Covid 19... đang đe dọa cuộc sống của con người và xã hội.

Như vậy, những mâu thuẫn thuộc lĩnh vực mối quan hệ giữa con người, xã hội và tự nhiên đã đạt tới đỉnh điểm của sự gay gắt, đang có nguy cơ dẫn đến sự khủng hoảng sinh thái toàn cầu. Một lần nữa nhân loại đang đứng trước những vấn đề sinh thái hết sức nóng bỏng và bức xúc, buộc con người phải tìm phương án giải quyết thành công, vì lần này mà thất bại hoặc không triệt để cũng sẽ đồng nghĩa với sự tự huỷ diệt của con người [6/ tr. 30-31]. Theo H. Yibing, xét về mặt triết học, đây chủ yếu là một thứ biến dạng có tính chức năng của chủ thể loài người ngày nay trong khi phát triển lực lượng sản xuất cải tạo tự nhiên [12]. Với mục đích là "cải tạo" và "chỉnh phục" bằng sức mạnh của khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, con người đã làm cho tự nhiên biến dạng, gây ách tắc và tổn hại đến chức năng tự điều chỉnh của tự nhiên, điều này được thể hiện thông qua sự giảm sút tính đa dạng sinh học; ô nhiễm môi trường nước, không khí; hiệu ứng nhà kính; đất đai bị sa mạc hoá; cùng với sự gia tăng dân số nhanh. Thế giới tự nhiên hùng vĩ "ngôi nhà", "thân thể vô cơ" của con người đang suy thoái và có nguy cơ bị huỷ diệt.

Từ sự phân tích trên, chúng ta thấy hệ sinh thái chính là sự cùng tồn tại, tác động lẫn nhau giữa các yếu tố con người, xã hội và tự nhiên tạo thành môi trường sống của con người và xã hội. Trong hệ sinh thái, con người vừa là yếu tố cấu thành chịu sự chi phối và tác động của hệ thống, đồng thời con người là chủ thể tác động biến đổi hệ thống thông qua hoạt động thực tiễn có ý thức của mình. Sự tồn tại và biến đổi của hệ sinh thái xã hội là kết quả tác động tổng hợp của các quy luật tự nhiên, xã hội và khoa học công nghệ. Chính điều đó cho chúng ta thấy những tiên đoán thiên tài của C. Mác, khi Ông nhấn mạnh: "Khoa học tự nhiên bao gồm trong nó khoa học về con người cũng như khoa học về con người bao hàm trong nó khoa học tự nhiên: đó sẽ là một khoa học" [2/ tr. 179] đã trở thành hiện thực. Cho nên, hoạt động của con người phải dựa trên nền tảng nắm vững và tuân theo các qui luật khách quan. Đó cũng chính là những yêu cầu và nhiệm vụ của thực tiễn xã hội đòi hỏi sự ra đời và khẳng định vai trò của ý thức sinh thái.

IV. MỘT SỐ YÊU CẦU VÀ NHIỆM VỤ SINH THÁI NHÂN VĂN HIỆN NAY

Sinh thái nhân văn là môn khoa học đang trong quá trình hình thành và phát triển để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của xã hội với ba mục tiêu tổng quát là: phát triển kinh tế, công bằng xã hội và môi trường trong sạch, đó là mô hình và xu hướng phát triển của các quốc gia và toàn thế giới hiện nay. Hơn nữa, con người và xã hội đang phải chịu sự tác động của suy thoái môi trường sống, sự biến đổi khí hậu và những "chuỗi thiên tai liên tiếp xảy ra" trong những năm 2018-2020, có thể nói đã vượt xa những gì từng xuất hiện trong quá khứ hoặc có thể dự đoán trước". Theo Ủy ban kinh tế xã hội châu Á và Thái Bình Dương (ESCAP) của Liên Hợp Quốc "đó là dấu hiệu những gì sẽ đến trong tương lai" [13]. Sinh thái nhân văn là sự liên kết giữa hệ sinh thái sinh học và hệ sinh thái xã hội.

Hệ sinh thái hiểu theo nội hàm mới: một tổ hợp của các quần xã thực vật, động vật, vi sinh vật, và các điều kiện môi trường vô sinh xung quanh trong sự tương tác lẫn nhau như một đơn vị chức năng, con người là một bộ phận hữu cơ của hệ sinh thái. Con người là một thành viên đặc biệt của hệ sinh thái, vì con người vừa là yếu tố cấu thành, đồng thời là yếu tố tác động mạnh mẽ nhất vào hệ sinh thái theo cách thức riêng của mình (hoạt động thực tiễn có ý thức). Hơn nữa, mọi đối tượng nghiên cứu của hệ sinh thái cũng phải hướng tới phúc lợi cho con người.

Hệ sinh thái xã hội-hệ thống xã hội, trước hết được hình thành từ cá nhân, gia đình, thôn-xóm, xã-phường, quận-huyện, tỉnh-thành phố, quốc gia, nhân loại; cũng có thể xem xét ở góc độ sản xuất và quy mô của các tổ chức sản xuất của xã hội trong quá trình nghiên cứu...

Trong hệ sinh thái nhân văn tất cả các hệ thống từ nhỏ đến lớn đều vận động biến đổi tác động lẫn nhau tuân theo quy luật. Song cần phải phân biệt sự vận động phát triển của hệ sinh thái mang tính tự phát, còn sự vận động phát triển của hệ sinh thái xã hội là sự nối tiếp và cao hơn hệ sinh thái tự nhiên, do đó phải tuân theo quy luật của tự nhiên đồng thời tuân theo quy luật xã hội-hoạt động có ý thức trong quá trình sản xuất vật chất và tinh thần của con người, xã hội. Mọi hoạt động của con người nếu không phù hợp quy luật tất yếu sẽ dẫn đến thất bại trong hoạt động thực tiễn.

Để nâng cao năng lực nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người và xã hội hiện nay, cần tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

Một là, đổi mới và nâng cao nhận thức về hệ sinh thái, môi trường sống và mô hình phát triển bền vững của xã hội hiện nay. Trên cơ sở quán triệt quan điểm: “Ý thức sinh thái là hệ thống quan điểm, quan niệm của con người về hệ sinh thái và ý thức trách nhiệm của con người trong hệ sinh thái đó” [14]. Trên cơ sở đó từng bước xóa bỏ quan điểm “trời sinh voi thì sinh cỏ” hay của cải tự nhiên là vô tận con người thỏa sức đào bới. Thực ra vũ trụ là rộng lớn song hệ sinh thái của trái đất vẫn là cái có giới hạn. Do đó, con người và xã hội phải quý trọng thiên nhiên, bởi thiên nhiên là cội nguồn sinh thành và cung cấp nguồn sống cho con người và xã hội. Đồng thời, thiên nhiên-hệ sinh thái cũng là cội nguồn cung cấp các giá trị vật chất và tinh thần cho con người và xã hội.

Hai là, cải biến mô hình và con đường phát triển kinh tế-xã hội hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Trong quá trình lịch sử, nhân loại đã trải qua nhiều mô hình phát triển kinh tế xã hội như: mục tiêu tăng khối lượng sản phẩm xã hội bằng kỹ thuật công nghệ, cải biến quản lý và tổ chức sản xuất; tăng trưởng số 0 (thập niên 60 thế kỷ XX của Câu lạc bộ Roma Ý) và phát triển bền vững tại hội nghị quốc tế tại Stockholm - 1972) và mô hình phát triển bền vững lấy sự hài hòa giữa ba trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường làm chủ đạo, được khẳng định tại hội nghị Rio - 1992 và Johannesburg - 2002. Như vậy, mô hình phát triển kinh tế ngày nay phải gắn phát triển kinh tế với nhiệm vụ bảo đảm công bằng xã hội và môi trường trong sạch; phải gắn phát triển kinh tế với công nghệ cao, công nghệ hiện đại, công nghệ thân thiện với môi trường, với quy mô đa dạng phong phú phù hợp với thực tiễn sản xuất xã hội. Nói chung là phải hướng tới nền kinh tế “xanh và sạch”.

Ba là, từng bước hoàn thiện đường lối, pháp luật và các thể chế xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của xã hội; tạo môi trường, điều kiện cho các thành phần kinh tế bình đẳng cạnh tranh phát triển; khuyến khích quần chúng nhân dân và người lao động chủ động, tích cực sản xuất, kiên quyết đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, sự suy thoái đạo đức, văn hóa và các tệ nạn xã hội... Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Chú ý phát huy dân chủ, trọng dụng nhân tài, đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội.

Bốn là, tăng cường liên kết, hợp tác giữa các địa phương, các ngành kinh tế trong nước, trên cơ sở đó mở rộng hợp tác khu vực và quốc tế trong quá trình cạnh tranh và phát triển kinh tế-xã hội để phát huy tinh hoa và sức mạnh của dân tộc và trí tuệ, công nghệ cao quốc tế cho sự phát triển của dân tộc phù hợp với sự phát triển của thời đại.

Năm là, trên cơ sở đổi mới nhận thức và tổ chức sản xuất của xã hội, tạo thành phong trào hoạt động thực tiễn tích cực của mỗi người, các tổ chức sản xuất, các ngành, các địa phương và cả nước cho mục tiêu phát triển bền vững mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

V. KẾT LUẬN

Sinh thái nhân văn là môn khoa học đang trong quá trình phát triển hướng tới nâng cao năng lực nhận thức của con người về hệ sinh thái nói chung và năng lực nhận thức về con người và xã hội nhằm phát huy năng lực hoạt động thực tiễn của con người và xã hội cho mục tiêu phát triển bền vững của xã hội. Tất nhiên, phần đầu để đạt mục tiêu đó là một quá trình lâu dài, trong quá trình đó phải gắn với quá trình nâng cao khả năng nhận thức, tính tích cực chủ động, sáng tạo của con người và xã hội và quyền làm chủ thực sự của con người trong sản xuất. Đúng như C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định: “Trên thực tế, vương quốc của sự tự do chỉ bắt đầu ở nơi nào có sự chấm dứt thứ lao động do sự cần thiết và do tính hợp lý bề ngoài, vì thế, do bản chất sự vật, vương quốc của sự tự do nằm ở bên kia lĩnh vực sản xuất vật chất, hiểu theo đúng nghĩa của từ này... Vương quốc này chỉ có thể phần vinh trên vương quốc của sự tất yếu ấy, coi như là trên cơ sở lý luận của chính nó. Điều kiện cơ bản là rút ngắn ngày lao động [15].

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống sống hòa hợp với thiên nhiên. Trải qua trường kỳ lịch sử, con người Việt Nam vừa khai thác, sử dụng thiên nhiên, vừa bảo vệ, cải tạo thiên nhiên để thiên nhiên bền vững và phát triển. Hy vọng truyền thống tốt đẹp đó của dân tộc Việt Nam sẽ được duy trì và phát triển lên tầm cao mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lênin toàn tập, tập 26, Nxb Tiến bộ, Matxcova, 1981, tr. 63. (tiếng Việt)
- [2] C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 135 (tiếng Việt).
- [3] Bản thảo kinh tế - triết học, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 120 (tiếng Việt).
- [4] C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 20, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 657 (tiếng Việt).
- [5] Đanien Benxađơ (1998), C. Mác người vượt trước thời đại, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 12 (tiếng Việt).
- [6] Phạm Thị Ngọc Trầm (1997), Môi trường sinh thái - Vấn đề và giải pháp, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 15, tr. 19.
- [7] E.P. Odum (1978), Cơ sở sinh thái học , tập 1, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, tr. 17 (tiếng Việt).
- [8] C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 23, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, tr. 474 (tiếng Việt).
- [9] Biện chứng của tự nhiên, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1971, tr. 269 (tiếng Việt).
- [10] Phạm Thị Anh Đào, Lê Trọng Cúc (2017), Một số vấn đề trong giảng dạy sinh thái nhân văn tại các trường đại học ở Việt Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học: Sinh thái nhân văn và phát triển bền vững một số vấn đề từ lý luận đến thực tiễn, Hà Nội, , ngày 13 tháng 01 năm 2017, tr. 5.
- [11] Vũ Quang Hào (2008), Khoa học phát triển: Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam, Nxb Thế giới, tr. 182.
- [12] Phạm Văn Boong (2002), Ý thức sinh thái và vấn đề phát triển lâu bền, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 48-49.
- [13] Báo Đời sống và Pháp luật, số 18, ngày 31/01/2020, tr 16.
- [14] Phạm Văn Boong (2002), Ý thức sinh thái và vấn đề phát triển lâu bền, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 54.
- [15] C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, tập 25, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 544-545 (tiếng Việt).

HUMAN ECOLOGY AND THE TASK OF PROTECTING THE ENVIRONMENT FOR CURRENT SOCIOECONOMIC DEVELOPMENT

Pham Van Boong

ABSTRACT— Human ecology has formed and developed to meet the cognitive needs and practical activities of people and society. Currently, sustainable development with the aim for economic development, social justice, and a clean environment has become vital. In this article, we present human ecology from a philosophical perspective to learn about the origin and basic content of human ecology. On that basis, a number of tasks are proposed to contribute to improving cognitive capacity and practical activities of people and society.

Keywords—human ecology, awareness, system, ecosystem, natural ecology, social ecology.